

VẤN ĐỀ DẠY TIẾNG ANH CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ VINH.

NGÔ ĐÌNH PHƯƠNG
LÊ CÔNG THÌN
Khoa Ngoại ngữ -ĐHSP VINH

1. Tổng quan về giáo dục phổ thông ở thành phố Vinh.

Vinh là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hoá của tỉnh Nghệ an, gồm 18 phường xã, với tổng dân số (tính đến năm 2000) là 216.304 người. Nằm trong hệ thống 9 huyện, thành phố, thị xã miền xuôi, Vinh không phải là thành phố công nghiệp, nguồn thu nhập chủ yếu bằng sản xuất nông nghiệp, thủ công, chăn nuôi, buôn bán nhỏ và dịch vụ. Mức sống trung bình của thành phố quá thấp so với các tỉnh thành khác trong cả nước. Tuy vậy, nơi đây lại là một vùng đất hiếu học. Trải qua nhiều thế hệ, những người dân thành phố đã lấy "sự học" làm một hoạt động cơ bản có tính mục đích và chiếm quỹ thời gian lớn nhất trong một đời người.

Ngay từ ngày đầu, sau khi giành được chính quyền(2/9/1945) Vinh là một trong những đơn vị đi đầu trong phong trào bình dân học vụ với mục đích " Muốn giữ vững nền độc lập, muốn làm cho dân mạnh nước giàu, mọi người Việt nam phải biết quyền lợi và bổn phận của mình, phải có kiến thức mới, để tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà và trước hết phải biết viết, biết đọc chữ quốc ngữ...." (Hồ Chủ Tịch). Ngày 19/12/1958 , Vinh được công nhận là đơn vị hoàn thành căn bản nhiệm vụ xoá mù chữ cho những người độ tuổi từ 12 đến 50.

Hiện nay, thành phố Vinh đã xây dựng được một hệ thống giáo dục phổ thông khá hoàn chỉnh về mọi mặt từ giáo dục mầm non ens phổ thông trung học bao gồm 22 trường Tiểu học, 18 trường Trung học cơ sở, 9 trường Phổ thông Trung học. Tính trung bình, theo số liệu năm học 1999-2000, cứ 1000 người dân trong thành phố thì có 111 học sinh tiểu học, 96 học sinh trung học cơ sở, 63 học sinh trung học phổ thông

TT	Năm học Bậc học	1999-2000	2000-2001	2001-2002	2002-2003	2003-2004	2004-2005
1	Tiểu học	111	108	104	100	98	96
2	Trung học cơ sở	96	92	89	86	81	79
3	Phổ thông trung học	63	65	63	62	61	60

Bảng 1. Tỷ lệ học sinh phổ thông/1000 dân ở thành phố Vinh.

Sĩ số học sinh Trung học cơ sở hàng năm (trong thành phố) dao động từ 16.300 -20.000em, được phân bố không đều cho 18 trường tại 18 phường xã khác nhau. Do vậy, lượng học sinh trong từng lớp của mỗi trường cũng khác nhau. Có những lớp sĩ số quá đông (trường Đồng Vĩnh trung bình 54 em/lớp, trường Đặng Thai Mai 49 em/ lớp)

TT	Tên trường	Số lớp	Số học sinh	Sĩ số từng lớp (tính trung bình)
1	Bến Thủy	24	1016	43
2	Hưng Đông	23	945	41
3	Lê Lợi	24	906	39
4	Trung Đô	29	1252	43
5	Vinh Tân	23	1009	44
6	Quang Trung	16	550	35
7	Hưng Hoà	16	654	41
8	Nghi Phú	16	662	42

9	Hà Huy Tập	21	760	37
10	Lê Mao	22	822	38
11	Hung Dũng	33	1340	41
12	Hung Lộc	18	724	41
13	Cửa Nam	25	809	33
14	Trường Thi	28	1129	41
15	Hung Bình	30	1185	40
16	Đội Cung	17	691	41
17	Đặng Thai Mai	21	1032	49
18	Đồng Vinh	15	801	54

Bảng 2. Số lượng lớp, số học sinh từng trường THCS, thành phố Vinh (1999-2000)

2. Tình hình dạy và học tiếng Anh ở các trường Trung học cơ sở ở thành phố Vinh.

Ngay từ những ngày đầu đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân, đầu những năm 70, thành phố Vinh là một trong những địa bàn đầu tiên đưa ngoại ngữ vào dạy ở các trường phổ thông. Từ năm 1964-1968 tiếng Trung quốc được dạy hầu hết ở các trường phổ thông cơ sở ở trong thành phố và trong tỉnh. Từ năm 1970-1978 các trường phổ thông trung học đã giành một phần trong quỹ thời gian phân bố chương trình để dạy tiếng Nga và tiếng Pháp. Năm học 1978-1979 tiếng Anh bắt đầu trở thành một bộ môn trong hệ thống các môn học của học sinh phổ thông trong thành phố.

Đặc điểm của việc dạy và học ngoại ngữ trong thời kỳ này là ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng, chưa được coi là một môn học quan trọng, môn văn hoá cơ bản cùng với toán học và văn học hợp thành 3 bộ môn trụ cột trong chương trình giáo dục phổ thông. Do vậy, các vấn đề: trường nào học ngoại ngữ nào, mục đích học để làm gì, chương trình và thời lượng học ra sao, thường ít được quan tâm hoặc được giải quyết dựa vào "thiện chí" của các nhà quản lý giáo dục. Thêm vào đó, vị trí của các ngoại ngữ được dạy ở các trường phổ thông không được xác lập một cách ổn định. Quy mô đào tạo thường xuyên biến động, đặc biệt từ năm 1990-1991 trở lại đây, khi Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép học sinh phổ thông và nhà trường tự chọn ngoại ngữ cần học, mặt khác do tác động của chính sách mở cửa và nhiều yếu tố có liên quan, nhu cầu học tiếng Anh tăng đột biến, nhu cầu học các thứ tiếng khác như Nga, Trung, Pháp bị giảm mạnh, dẫn đến thực trạng các lớp tiếng Anh dưới mọi hình thức không có đủ giáo viên đứng lớp. Hiện nay ở thành phố Vinh chỉ còn lại một lớp chuyên Nga tại trường Phổ thông Trung học Phan Bội Châu, tiếng Pháp chỉ được dạy rải rác ở một số lớp ở các trường trung học cơ sở Lê Mao, Bến Thủy...

3. Hình thức tổ chức và phương tiện dạy học.

- Lớp học quá đông học sinh, đặc biệt là lớp 6. Theo thống kê ngày 01/01/2000 của Ban giáo dục thành phố, thành phố Vinh có 18 trường Trung học cơ sở, bao gồm 414 lớp và 19.644 học sinh. Tính trung bình mỗi lớp 47 học sinh. Lượng học sinh này, dĩ nhiên không phù hợp với sĩ số của một lớp học ngoại ngữ. Bởi lẽ, bản chất của phương pháp dạy ngoại ngữ hiện đại là giáo viên chỉ là người giám sát, kiểm tra quá trình thực hành ngôn ngữ thực hành từng cấu trúc, hành động lời nói đối với từng bài cụ thể) để đạt được mục đích cuối cùng là sử dụng được ngôn ngữ đó (sử dụng được cấu trúc trong một bài cụ thể) trong giao tiếp tự nhiên. Với lượng học sinh như hiện tại, giáo viên khó lòng đạt được mục đích của giờ học, bài học.

- Phương tiện dạy học quá nghèo nàn, không đáp ứng được việc dạy và học tiếng Anh nói chung và rèn luyện kỹ năng lời nói cho học sinh. Hiện nay trong thành phố mới có 75% có đầu Video và TV nhưng chưa có trường nào sử dụng những thiết bị đó cho việc rèn luyện nghe nói bằng tiếng Anh cho học sinh. 100% số trường chưa có phòng học tiếng.

- Đội ngũ giáo viên: đội ngũ giáo viên là lực lượng nòng cốt quyết định chất lượng và khả năng sử dụng tiếng Anh của học sinh. Trên thực tế, đội ngũ giáo viên tiếng Anh ở các trường phổ thông cơ sở còn có những vấn đề nổi cộm sau đây: - Phần lớn giáo viên trực tiếp giảng dạy tiếng Anh (77%) là sinh viên học tại chức (học sinh tốt nghiệp Phổ thông và giáo viên tiếng Nga chuyển hệ)

- Không có sinh viên giỏi về các trường PTCS sau khi tốt nghiệp.

- Các sinh viên học ở các trường có qui mô đào tạo qui cũ và chất lượng cao không về Nghệ an nhận công tác. Ủy ban nhân dân thành phố chưa có chính sách nào cụ thể đối với giáo viên tiếng Anh, nhằm nâng cao và cải thiện mức sống cho họ. Do vậy, ngoài giờ lên lớp hầu hết giáo viên phải đi dạy thêm các trung tâm ngoại ngữ. Tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo chính khoá.

→ Theo số liệu của Ban giáo dục và đào tạo thành phố, năm học 1999-2000 có 424 lớp học tiếng Anh, mà chỉ có 89 giáo viên. Nếu tính bình quân trong toàn thành phố mỗi giáo viên phải dạy từ 4-5 lớp. Theo thời gian và số tiết qui định, giáo viên phải đi dạy cả tuần, có những ngày phải dạy cả hai buổi. Sự thiếu hụt trầm trọng này ảnh hưởng tới việc tự bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kiến thức của giáo viên và chất lượng đào tạo. Nếu lấy chuẩn một lớp học ngoại ngữ nói chung, tiếng Anh nói riêng ở bậc học phổ thông từ 30-35 em, và số tiết qui định của mỗi bài cụ thể, đồng thời tính đến việc tự học của giáo viên, trừ số giáo viên hiện có, các trường phổ thông cơ sở trên thành Vinh cần bổ sung khoảng từ 180-200 giáo viên. Để có số lượng đó, giả sử sinh viên tốt nghiệp khoa Anh ĐHSP Vinh đều nhận công tác tại các trường trong thành phố thì khoa ngoại ngữ phải đào tạo 3 khoá sinh viên mới đủ.

4. Những định hướng có tính chất chiến lược đối với việc dạy tiếng Anh cho học sinh phổ thông cơ sở thành phố Vinh.

Đối với học sinh phổ thông cơ sở, phần lớn các em chưa xác định được mục đích học tiếng Anh để làm gì. Một số em, dựa vào định hướng của gia đình, cố gắng tập trung và giành thời gian hơn cho việc học tiếng Anh với mục đích thi vào đại học. Như vậy, mục đích học tiếng Anh của học sinh phổ thông cơ sở nằm trong mục tiêu của người biên soạn chương trình, người thực hiện chương trình và ý định của các bậc phụ huynh.

4.1 Về chương trình, giáo trình.

Dựa vào cấu trúc của sách giáo khoa, sự phân bố chương trình như hiện nay, cũng như nhu cầu nguyện vọng của học sinh, việc dạy và học tiếng Anh cho các trường phổ thông cơ sở phải đạt được những mục tiêu sau đây:

- Giúp các em hiểu và ghi nhớ (mấy móc hoặc lôgic) các mẫu lời nói, các cấu trúc điển hình trong các tình huống, các bài tập cụ thể.

- Kích thích các em sử dụng các mẫu lời nói, các cấu trúc một cách chủ động vào các tình huống giao tiếp thông thường, ở nhà, ở trường....

- Cung cấp cho các em một vốn từ vựng nhất định để có thể đọc và hiểu được những mẫu chuyện vui, truyện ngắn, hoặc những đoạn miêu tả người, vật, thiên nhiên phù hợp với khả năng của các em.

Để đạt được những mục tiêu trên đây, vấn đề đặt ra là phải có một chương trình, nội dung học phù hợp. Nội dung dạy và học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, tất yếu, phải phù hợp với mục đích của người học và nhu cầu của thực tiễn. Đặc biệt đối với các em nhỏ tuổi, học sinh phổ thông cơ sở, tính phù hợp với tâm sinh lý, lứa tuổi, nguyện vọng của các em lại phải được nhấn mạnh hơn. Cụ thể, chủ đề, tình huống giao tiếp trong các bài học cụ thể phải mang tính đặc thù của tuổi học trò để kích thích sự hứng thú của các em. Các chủ đề tình huống, các mẫu lời nói phải phản ánh được những vấn đề cấp bách nhưng sát thực với cuộc sống thường nhật xung quanh các em. Không "chính trị hoá", phức tạp hoá hoặc đưa vào những tình huống giao tiếp quá xa lạ, vượt tầm hiểu biết của các em. Nội dung bài học phải lôi cuốn được các em đọc, viết, nghe và nói bằng ngoại ngữ. Mặt khác, cũng không nên đề cập đến những chủ đề, tình huống lặp đi lặp lại quá nhiều lần, gây sự nhàm chán làm giảm niềm say mê học tập của học sinh.

4.2 Tổ chức dạy học.

Quán triệt đến từng giáo viên chương trình dạy học luôn mang tính pháp qui, quỹ thời gian dành cho môn học tiếng Anh phải được tuân thủ một cách nghiêm túc. Giáo viên không được tự ý cắt xén chương trình. Thành lập hội đồng khoa học bộ môn. Hội đồng khoa học bộ môn trong toàn thành phố bao gồm một số đồng chí Tổ trưởng Bộ môn ngoại ngữ của các trường. Hội đồng có nhiệm vụ tham mưu cho Ban giáo dục trong việc phân phối chương trình, tránh được việc phân

phối chương trình mang tính cơ học, thiếu tính khoa học như hiện nay. Hội đồng giúp cho Ban giáo dục trong việc thi- đánh giá kết quả học tập của học sinh một cách khách quan hơn.

4.3 Xây dựng trung tâm thông tin, tư liệu.

Hiện nay sách tiếng Anh vô cùng đa dạng về chủng loại, được bày bán ở mọi điểm bán sách ở trong thành phố. Phần lớn các loại sách đó chỉ phục vụ cho các đối tượng đang theo học tiếng Anh. Việc giáo viên muốn tìm được một cuốn sách để trau dồi nghiệp vụ sư phạm không phải là điều dễ dàng. Do vậy, có được trung tâm tư liệu, Ban giáo dục có điều kiện liên hệ với các trường Đại học, các Viện nghiên cứu để đặt mua các tài liệu chuyên ngành phục vụ công tác giảng dạy. Có được một trung tâm như thế giáo viên có điều kiện gặp gỡ trao đổi, tìm biện pháp khắc phục những vướng mắc mà từng giáo viên riêng lẻ khó long giải quyết được.

4.4 Bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn nghiệp vụ.

Muốn có được một đội ngũ giáo viên tiếng Anh đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội, việc tiến hành các khoá học thường xuyên nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải được nhận thức một cách đầy đủ từ phía các nhà quản lý giáo dục cũng như bản thân mỗi giáo viên. Việc bồi dưỡng thường xuyên sẽ gặp muôn vàn khó khăn như vấn đề kinh phí, thời gian và cả sự mệt mỏi của giáo viên sau một năm giảng dạy vất vả. Tuy nhiên, nếu không có việc bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao kiến thức thì chúng ta khó có thể thành công được.